TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 03-6-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Hải
Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lô Thị Lệ Hoài – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 204/2021/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mạch Thị V, sinh năm 1990.(có mặt).
Trú tại: Xóm G, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1982 (vắng mặt).
HKTT: Xóm G, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn chị Mạch Thị V trình bày: Chị và anh Hoàng Văn B kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại xóm G, xã N, huyện Đ. Vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc trong thời gian đầu cho đến năm 2014 thì xảy ra cãi vã, không hòa hợp với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa.

Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Thị Thanh H, sinh ngày 25/10/2009, Hoàng Thị Thanh N, sinh ngày 07/7/2011 và Hoàng Ngọc A, sinh ngày 30/8/2014. Hiện nay cả ba cháu đang ở với chị V. Nguyện vọng sau khi vợ chồng ly hôn chị muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả ba con chung cho tới

khi con đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Hoàng Văn B: Do anh B đang đi làm ăn xa, Tòa án đã trực tiếp gọi điện cho anh B; gửi, tống đạt, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để anh B đến Tòa án viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên anh B không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án.

Tại Biên bản làm việc ngày 30/3/2022 đối với bà Nguyễn Thị B1 – mẹ đẻ của anh Hoàng Văn B thể hiện: Chị V và ạnh B tự nguyện kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu nhau, được cả hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Về quá trình chung sống: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh B ở riêng tại xóm G, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Đến năm 2019 thì anh B đi làm ăn ở Hà Nội thỉnh thoảng mới về nhà. Đến cuối năm 2021 khi dịch bệnh COVID 19 bùng phát, phức tạp thì anh không về nhà nữa. Anh B đã được thông báo 02 lần triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh không về vì không muốn ly hôn. Hiện tại anh B đang đi làm ở miền Nam, anh nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị V vì không thể níu kéo được vợ.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng anh chị có 03 con chung là Hoàng Thị Thanh H, sinh ngày 25/10/2009, Hoàng Thị Thanh N sinh ngày 07/7/2011 và Hoàng Ngọc A, sinh ngày 30/8/2014. Hiện tại các con đang ở cùng chị V. Anh nhất trí để chị V nuôi con. Về nợ chung: Bà B1 trình bày về việc chị V và anh B có vay nợ chung, vợ chồng phải tự có trách nhiệm trả nợ.

Đến thời điểm tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bà Biên trình bày không thể liên lạc với anh B được nên Tòa án đã niêm yết công khai Giấy triệu tập phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa đồng thời thông báo qua điện thoại để anh B thu xếp công việc để về Tòa án tham gia phiên tòa. Tuy nhiên anh B không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

Tại đơn nguyện vọng, biên bản lấy lời khai của các cháu Hoàng Thị Thanh H, Hoàng Thị Thanh N và Hoàng Ngọc A xác định nguyện vọng của tất cả các cháu đều mong muốn được ở với mẹ là chị Mạch Thị V.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm đây là vụ án "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự (nguyên đơn) kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật,bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật theo Điều 70,72 BLTTDS. Không có vi phạm, không có đề xuất hay kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng ĐiỀU 21; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của B luật Tố tụng dân sự; Điều 56; 58; 81;82;83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V, cho chị V được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Thị Thanh Huyền, sinh ngày 25/10/2009, Hoàng Thị Thanh Nhàn, sinh ngày 07/7/2011 và Hoàng Ngọc Anh, sinh ngày 30/8/2014. Hiện nay cả ba con chung đang ở cùng với chị V. Do đó cần giao cả ba con cho chị V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi là phù hợp. Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh B vì chị V không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

Về án phí: Chị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:Nguyên đơn chị Mạch Thị V khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là anh Hoàng Văn B. Bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 B luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa đồng thời thông báo qua điện thoại cho anh B đến tham gia phiên tòa. HĐXX đã hoãn phiên tòa 02 lần để anh B có thời gian thu xếp về tham gia phiên tòa nhưng anh B vẫn vắng mặt. Vì vậy HĐXX căn cứ vào Điều 227 xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mạch Thị V và anh Hoàng Văn B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kêt hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, Chị V xác định vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu khi mới kết hôn cho đến năm 2014 thì xảy ra cãi vã, anh B chơi bời và thường bỏ đi làm ăn xa không có trách nhiệm với gia đình vợ con nên tình cảm vợ chồng không còn.

Tại biên bản làm việc với mẹ đẻ của anh B thì thấy rằng: Anh B muốn níu kéo cuộc hôn nhân này nhưng không thiện chí về để hòa giải và có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị V xin ly hôn, anh cũng không về để hai bên cùng tìm cách giải quyết mâu thuẫn, tìm lại tiếng nói chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị V và anh B đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị V và anh B có 03 con chung là Hoàng Thị Thanh H, sinh ngày 25/10/2009, Hoàng Thị Thanh N, sinh ngày 07/7/2011 và Hoàng Ngọc A, sinh ngày 30/8/2014. Các cháu hiện đang sống cùng với chị Mạch Thị V, còn anh B đi làm xa. Hơn nữa, các cháu đều có nguyện vọng được ở

cùng với mẹ. Nhằm đảm bảo cho sự phát triển toàn diện cho đứa trẻ khi vợ chồng ly hôn và tránh đảo lộn sinh hoạt của các con. Do đó, cần giao cả ba con cho chị V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp. Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh B vì chị V không yêu cầu.

Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của B luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chị Mạch Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 174, 177, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của B luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81,82,83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn chị Mạch Thị V, cho chị Mạch Thị V được ly hôn anh Hoàng Văn B.

[2]. Về con chung: Giao 03 con chung là Hoàng Thị Thanh H, sinh ngày 25/10/2009, Hoàng Thị Thanh N, sinh ngày 07/7/2011 và Hoàng Ngọc A, sinh ngày 30/8/2014 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cả ba con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh B vì chị V không có yêu cầu. Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3]. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

[4]. Án phí: Chị Mạch Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005238 ngày 23/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

[5]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn là chị Mạch Thị V biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là anh Hoàng Văn B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh, huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu VT, HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quang Tuấn